TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 61/2023/DS-ST Ngày: 15 - 9 - 2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-DS ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thiều Thị B, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Thiều Thị B trình bày:

Chị B và chị Lê Thị H có quan hệ là hàng xóm quen biết nhau (chị H có quan hệ anh em kết nghĩa với bố mẹ chồng chị B). Vào ngày 15/6/2013 thời điểm vợ chồng chị mới cưới, chị có số vàng là của hồi môn bố mẹ đẻ cho, thì chị

H có sang nhà hỏi vay nói là cần tiền để lo việc gia đình. Tin tưởng chị H nên tôi có cho chị H vay 1 cây vàng 9999 (10 chỉ); chị H có viết cho chị giấy vay vàng ghi ngày 15/6/2013, trong giấy vay vàng không ghi lãi suất, nhưng chị H có thống nhất hàng tháng trả tiền lãi là 1.000.000 đồng, nhưng sau khi vay thì chị H không trả lãi cũng như nợ gốc cho chị như thỏa thuận. Từ năm 2016 chị cần tiền để lo công việc gia đình, nên chị có đòi nợ nhiều lần nhưng chị H không trả, đến năm 2021 chị có nộp đơn ra Tòa án giải quyết, thì chị H có hứa sẽ trả góp hàng tháng, từ tháng 6/2021 đến tháng 3/2022 phải hoàn thành trả hết số nợ vàng cho chị, nên chị mới rút đơn về, nhưng sau đó chỉ H mới trả cho chị được 5.200.000 đồng, tính bằng 01 chỉ vàng thì không trả nợ nữa. Hiện chị H đang còn nợ chị 09 chỉ vàng 9999. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị H phải trả nợ cho chị 09 chỉ vàng 9999. Tại đơn khởi kiện chị B có yêu cầu chị H phải trả tiền lãi của số vàng chị H đang nợ theo lãi suất 1%/tháng là 41.040.000 đồng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ngày 15/8/2023 chị B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu tính lãi của số vàng chị H nợ. Tại phiên tòa hôm nay chị B vẫn giữ nguyên ý kiến là đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả nợ 09 chỉ vàng 9999, không yêu cầu tính lãi; ngoài ra chị B đề nghị Tòa án tuyên buộc chị H phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật, nếu chị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Chị với chị Thiều Thị B có quan hệ trong gia đình, chị B gọi chị H bằng thím. Vào tháng 6/2013 chị cần tiền để lo công việc gia đình, nên chị có vay của chị B 1 cây vàng 9999 (10 chỉ), không tính lãi suất. Sau đó do làm ăn khó khăn, nên chị chưa có khả năng trả được nợ cho chị B. Năm 2021 khi chị B khởi kiện ra Tòa, thì chị và chị B có thỏa thuận là thanh toán trả hết nợ số vàng cho chị B trước tháng 3/2022, nhưng do khó khăn kinh tế, nên chị mới trả được cho chị B 01 chỉ vàng 9999, hiện còn nợ lại chị B 09 chỉ vàng 9999. Chị H hứa sẽ có trách nhiệm trả nợ cho chị B chậm nhất trong tháng 9/2023, nếu không trả được nợ thì chị xin chịu trách nhiệm theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đầy đủ về trình tự giải quyết theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn luôn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thiều Thị B đối với chị Lê Thị H về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", buộc chị Lê Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho chị Thiều Thị B 09 chỉ vàng 9999 theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn chị Thiều Thị B đã rút về việc yêu cầu chị H trả số tiền lãi 41.040.000 đồng.

- Bi đơn chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Thiều Thị B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là chị Lê Thị H, cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Lê Thị H vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thiều Thị B, thấy rằng: "Giấy vay vàng ghi ngày 15/6/2013" do chị Thiều Thị B xuất trình, có thể hiện nội dung: Ngày 15/6/2013 chị Lê Thị H có vay của chị Thiều Thị B (bình văn) với số vàng là 1 cây (10 chỉ); có chữ ký của người vay là chị Lê Thị H. Qúa trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 09/8/2023 chị Lê Thị H thừa nhận vào tháng 6/2013 chị H có vay của chị Thiều Thị B 1 cây vàng 9999 (10 chỉ), không lãi, nhưng do làm ăn khó khăn nên chị H mới trả được cho chị B 01 chỉ, hiện còn nợ chị B 09 chỉ vàng 9999; Chị Thiều Thị B khai xác nhận việc chị Lê Thị H đã trả được 01 chỉ vàng 9999. Như vậy có cơ sở khẳng định chị Lê Thị H còn nợ chị Thiều Thị B 09 chỉ vàng 9999. Tại giấy vay vàng ngày 15/6/2013 không ghi thời hạn trả nợ, tuy nhiên tại giấy cam kết thanh toán nợ và lãi ngày 31/5/2021 chị H có cam kết với chị B là sẽ trả hết số nợ vàng cho chị B xong trước tháng 3/2022, nhưng chị H đã không trả được nợ theo như cam kết, như vậy là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên việc chị B khởi kiện đòi nợ là có cơ sở. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân

sự năm 2015 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, buộc chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị B số nợ vàng là 09 chỉ vàng 9999. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 5.670.000đ/01 chỉ vàng 9999 x 09 chỉ = 51.030.000 đồng.

[3] Tại đơn khởi kiện chị B có yêu cầu chị H phải trả tiền lãi của số vàng còn nợ, quy đổi ra tiền VNĐ tính lãi theo lãi suất 1%/tháng với số tiền 41.040.000 đồng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ngày 15/8/2023 chị B đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu tính lãi của số vàng chị H còn nợ. Tại phiên tòa hôm nay chị B vẫn giữ nguyên ý kiến là không yêu cầu tính lãi của số vàng chị H còn nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chị Thiều Thị B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện (về phần tính lãi suất), là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó, cần đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi suất của chị B.

[4] Đối với ý kiến của chị Thiều Thị B đề nghị Tòa án tuyên buộc chị Lê Thị H phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật nếu chị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Thiều Thị B không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Thiều Thị B đối với yêu cầu tính lãi suất của số vàng chị Lê Thị H đang nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thiều Thị B,

Buộc chị Lê Thị H có trách nhiệm phải trả nợ cho chị Thiều Thị B số nợ vàng vay gốc là 09 chỉ vàng 9999. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 5.670.000đ/01 chỉ vàng 9999 x 09 chỉ vàng 9999 = 51.030.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 2.551.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Thiều Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.299.000 đồng theo 02 Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014699 ngày 04/5/2023 và số: AA/2021/0014723 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến